

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN**

TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 31/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 02 - 11 - 2022

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thi

Ông Nguyễn Văn Thơm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 23/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - sinh năm 1991;

Bị đơn: Anh Lê Nhữ H - sinh năm 1986;

Cùng HKTT: Khu phố B, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã S (Nay là thành phố S), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/02/2009. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được 02 năm đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh H hay uống rượu và không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân

nhau từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị L được giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung, là cháu Lê Đồng Vũ P - sinh ngày 11/10/2009 và cháu Lê Thị Phương T – sinh ngày 05/5/2013. Nay chị L đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Nhữ H trình bày tại bản tự khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Sầm Sơn (Nay là thành phố S), tỉnh Thanh Hóa vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Nay chị L xin ly hôn anh thì anh không đồng ý với lý do: hiện nay anh chị có với nhau 02 con trong khi đang tuổi ăn học, vợ chồng không mâu thuẫn, gia đình hai bên không xảy ra thất lạc hoặc ép buộc. Vì vậy anh đề nghị Tòa án xem xét ý kiến tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị được giải quyết với nhau để được đoàn tụ.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung, là cháu Lê Đồng Vũ P - sinh ngày 11/10/2009 và cháu Lê Thị Phương T – sinh ngày 05/5/2013. Nếu phải ly hôn anh H đề nghị được nuôi 02 con, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xử cho chị L được ly hôn với anh H.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của nguyên đơn cũng như nguyện vọng của con và độ tuổi, tâm lý lứa tuổi để giao con theo quy định, cần giao cháu Lê Thị Phương T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Đồng Vũ P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Do bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Bắc Kỳ, phường T, thành phố Sầm Sơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Nhữ H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan; căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H đã thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, việc kết hôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị và anh không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh H sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến anh chị thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để hòa giải, tạo điều kiện để anh chị đoàn tụ nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện anh H không mong muốn vợ chồng hòa giải những bất đồng để quay về đoàn tụ, không tha thiết với cuộc sống hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyện vọng xin ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận, vì thực trạng anh, chị không còn sống với nhau. Hội đồng xét xử chấp nhận với ý kiến của Kiểm sát viên, cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Nhữ H là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Nhữ H có 02 con chung, là cháu Lê Đồng Vũ P - sinh ngày 11/10/2009 và cháu Lê Thị Phương T - sinh ngày 05/5/2013. Nay chị L đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Cháu Lê Thị Phương T có nguyện vọng được ở với chị L, cháu Lê Đồng Vũ P có nguyện vọng được ở với cả chị L và anh H, nên cần giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo

nguyện vọng của chị L là phù hợp với Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, về nguyện vọng nuôi con của chị L là phù hợp và có căn cứ.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị L phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Lê Nhữ H.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Nhữ H;

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; giao cháu Lê Đồng Vũ P cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Chị L và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị L và anh H có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013326 ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lê Nhữ H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng